

Số: /2025/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thể dục thể thao Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện

Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Thể dục thể thao Việt Nam) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao.

1. Bổ sung tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao đối với 09 môn thể thao (có phụ lục và tiêu chuẩn kèm theo Thông tư này).

2. Bổ sung nội dung tiêu chuẩn phong đẳng cấp tại **Tiêu chuẩn số 02. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bắn súng** như sau:

“Các nội dung giành cho nam:

Nội dung	“Vận động viên kiện tướng”	“Vận động viên cấp 1”	“Vận động viên cấp 2”
50m súng trường 3 tư thế (3x40 viên)	Từ 1.140 điểm đến 1.200 điểm	Từ 1.115 điểm đến 1.139 điểm	Từ 1.090 điểm đến 1.114 điểm
50m súng trường 3 tư thế (3x20 viên)	Từ 570 điểm đến 600 điểm	Từ 555 điểm đến 569 điểm	Từ 545 điểm đến 554 điểm
Đĩa bay Compak Sporting	Từ 175 điểm đến 200 điểm	Từ 165 điểm đến 174 điểm	Từ 145 điểm đến 164 điểm

Các nội dung giành cho nữ:

Nội dung	“Vận động viên kiện tướng”	“Vận động viên cấp 1”	“Vận động viên cấp 2”
50m súng trường 3 tư thế (3x40 viên)	Từ 1.138 điểm đến 1.200 điểm	Từ 1.110 điểm đến 1.137 điểm	Từ 1.050 điểm đến 1.109 điểm
50m súng trường 3 tư thế (3x20 viên)	Từ 570 điểm đến 600 điểm	Từ 555 điểm đến 569 điểm	Từ 545 điểm đến 554 điểm
Đĩa bay Compak Sporting	Từ 175 điểm đến 200 điểm	Từ 165 điểm đến 174 điểm	Từ 145 điểm đến 164 điểm

3. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 03. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Billiard - Snooker** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của mục I như sau:

“2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch các câu lạc bộ Billiard & Snooker quốc gia;”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục II như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười sáu một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch các câu lạc bộ Billiard & Snooker quốc gia;”

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 mục II như sau:

“4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải Billiard & Snooker vô địch trẻ quốc gia;”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục III như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười bảy đến hạng Ba mươi hai một trong các nội dung: Pool nam, Carom, Snooker, English Billiard tại Giải vô địch các câu lạc bộ Billiard & Snooker quốc gia;”

đ) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 mục III như sau:

“4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải Billiard & Snooker vô địch trẻ quốc gia;”

4. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 07. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng chuyền** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 mục I như sau:

“a) Tại Đại hội thể thao toàn quốc môn Bóng chuyền trong nhà:”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 mục I như sau:

“b) Tại Giải vô địch quốc gia môn Bóng chuyền trong nhà:

- Xếp hạng Nhất: được phong đẳng cấp 08 vận động viên;
- Xếp hạng Nhì: được phong đẳng cấp 07 vận động viên;
- Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 06 vận động viên;
- Xếp hạng Tư: được phong đẳng cấp 05 vận động viên;
- Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu: được phong đẳng cấp 04 vận động viên;
- Xếp hạng Bảy hoặc hạng Tám: được phong đẳng cấp 03 vận động viên;
- Xếp hạng Chín hoặc hạng Mười: được phong đẳng cấp 02 vận động viên;
- Xếp hạng Nhất giải Hạng A: được phong đẳng cấp 02 vận động viên;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 mục II như sau:

“a) Tại Đại hội thể thao toàn quốc môn Bóng chuyền trong nhà:”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 mục II như sau:

“b) Giải vô địch quốc gia Bóng chuyền trong nhà:

- Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì: được phong đẳng cấp 06 vận động viên;
- Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Mười: được phong đẳng cấp 08 vận động viên;
- Các đội được công nhận hạng A: được phong đẳng cấp 06 vận động viên;”.

đ) Sửa đổi mục III như sau:

“III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi tham gia thi đấu một trong các giải thể thao thành tích cao môn Bóng chuyền được quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 37 Luật Thể dục, thể thao được sửa đổi,

bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, trừ các đại hội được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 10. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng rổ** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 mục I như sau:

“5. Tại Giải vô địch Bóng rổ các Câu lạc bộ quốc gia:”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 mục II như sau:

“5. Tại Giải vô địch Bóng rổ các Câu lạc bộ quốc gia:”.

6. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 12. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bowling** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 mục I như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Mười lăm nội dung Master tại Giải vô địch Bowling thế giới, xếp từ hạng Nhất đến hạng Mười nội dung Master tại Giải vô địch trẻ Bowling thế giới, xếp từ hạng Nhất đến hạng Mười nội dung Master tại Giải vô địch Bowling Châu Á, xếp từ hạng Nhất đến hạng Sáu nội dung Master tại Giải vô địch Bowling trẻ Châu Á U21; xếp từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung Master tại Giải vô địch Bowling Thanh thiếu niên trẻ Châu Á U18;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung Master tại các Giải: Đại hội thể thao toàn quốc, vô địch Bowling quốc gia, các câu lạc bộ Bowling quốc gia.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 mục II như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười một đến hạng Mười sáu nội dung Master tại Giải vô địch trẻ Bowling thế giới, xếp từ hạng Bảy đến hạng Mười một nội dung Master tại Giải vô địch Bowling trẻ Châu Á U21; Xếp hạng từ hạng Bốn đến hạng Sáu giải Vô địch Bowling Thanh thiếu niên trẻ Châu Á U18;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bốn đến hạng Mười nội dung Master tại các Giải: Đại hội thể thao toàn quốc, vô địch Bowling quốc gia, các câu lạc bộ Bowling quốc gia;

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung Master tại các Giải vô địch trẻ Bowling quốc gia.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục III như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười đến hạng Mười lăm nội dung Master tại các Giải: Đại hội thể thao toàn quốc, vô địch Bowling quốc gia, các câu lạc bộ Bowling quốc gia.”.

7. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 13. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Canoeing** như sau:

a) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 mục I như sau:

“d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp.”.

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 mục II như sau:

“d) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;”.

c) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 mục II như sau:

“c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;”.

d) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 mục II như sau:

“3. Tại Giải vô địch U21 và vô địch U23 Canoeing quốc gia:

a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm nội dung thuyền đơn thuộc nhóm Olympic;

b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn không thuộc nhóm Olympic;

c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic;

d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic;

đ) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;”.

đ) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 mục III như sau:

“d) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;”.

e) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 mục III như sau:

“c) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;”.

f) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 mục III như sau:

“3. Tại Giải vô địch U21 và vô địch U23 Canoeing quốc gia:

a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Tám nội dung thuyền đơn thuộc nhóm Olympic;

b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn không thuộc nhóm Olympic;

c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic;

d) Xếp hạng Ba nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic;

đ) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;”.

8. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 14. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cầu lông** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục I như sau:

“3. Tại Giải vô địch Cầu lông các Câu lạc bộ quốc gia;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục II như sau:

“3. Tại Giải vô địch Cầu lông các Câu lạc bộ quốc gia:”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục III như sau:

“2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám một trong các nội dung: đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ tại Giải vô địch Cầu lông các câu lạc bộ quốc gia;”.

9. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 15. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cầu mây** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục I như sau:

“2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây quốc gia;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục II như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây quốc gia;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục III như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Cầu mây quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ Cầu mây quốc gia;”.

10. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 16. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ tướng** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 mục I như sau:

“6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư nội dung Cờ tiêu chuẩn tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ tướng quốc gia;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục II như sau:

“4. Tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ tướng quốc gia;”.

11. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 18. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ vua** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 mục I như sau:

“c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Sáu tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ vua quốc gia;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục II như sau:

“2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười hai tại Giải vô các câu lạc bộ Cờ vua quốc gia;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục III như sau:

“2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười ba đến hạng Hai mươi tại Giải vô địch các câu lạc bộ Cờ vua quốc gia;”.

12. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 19. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cử tạ** như sau:

“1. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm tổng thành tích một trong các giải: Giải vô địch thế giới, giải Cup thế giới, giải vô địch Châu Á.

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Mười tổng thành tích, trong đó phải đạt huy chương tại phần thi Cử giật hoặc Cử đẩy một trong các giải: Giải vô địch thế giới, giải Cúp thế giới, giải vô địch Châu Á.

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tổng thành tích một trong các giải: Giải vô địch trẻ thế giới, vô địch trẻ Châu Á.

4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tổng thành tích tại giải vô địch Đông Nam Á.

5. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tổng thành tích một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia; giải vô địch câu lạc bộ quốc gia.

6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Tám tổng thành tích, trong đó phải đạt huy chương tại phần thi Cử giật hoặc Cử đẩy một trong các giải: Đại hội Thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải vô địch câu lạc bộ quốc gia.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Mười tổng thành tích tại giải: Giải vô địch thế giới; giải Cúp thế giới; giải vô địch Châu Á.

2. Xếp một trong các hạng từ hạng Tư đến hạng Mười tổng thành tích một trong các giải: Giải vô địch trẻ thế giới; vô địch trẻ Châu Á.

3. Xếp hạng Hai hoặc hạng Ba tổng thành tích tại giải vô địch Đông Nam Á.

4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Tám tổng thành tích một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; giải vô địch quốc gia; giải vô địch Câu lạc bộ quốc gia.

5. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm tổng thành tích giải Vô địch trẻ quốc gia, trong đó phải đạt được huy chương tại phần thi Cử giật hoặc Cử đẩy hoặc tổng thành tích.

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp hạng Chín và hạng Mười tổng thành tích một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; Giải vô địch quốc gia; Vô địch Câu lạc bộ quốc gia.

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Tám tổng thành tích tại giải: Vô địch trẻ quốc gia.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Tiêu chuẩn số 20. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đá cầu như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục I như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba một trong các giải: Giải vô địch Đá cầu thế giới, Giải vô địch Đá cầu Châu Á, Giải vô địch Đá cầu Đông Nam Á, Giải Cúp thế giới, Giải Cúp Châu Á;”.

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 mục I như sau:

“d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên;”.

c) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 3 mục I như sau:

“c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên;”.

d) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 mục I như sau:

“4. Tại Giải vô địch Đá cầu bãi biển quốc gia:

a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên.

c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên.

d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung đồng đội: được phong đẳng cấp 06 vận động viên.”.

đ) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 mục II như sau:

“d) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên;”.

e) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 mục II như sau:

“4. Tại Giải vô địch Đá cầu bãi biển quốc gia:

a) Xếp hạng Ba một trong các nội dung: đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung đội tuyển: được phong đẳng cấp 03 vận động viên;

c) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung đội tuyển 4: được phong đẳng cấp 04 vận động viên;

d) Nội dung đồng đội:

- Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì: được phong đẳng cấp 03 vận động viên;

- Xếp hạng Ba: được phong đẳng cấp 06 vận động viên;”.

14. Sửa đổi, bổ sung Tiêu chuẩn số 21. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đấu kiếm như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 mục I như sau:

“5. Tại Giải vô địch Đấu kiếm các Câu lạc bộ quốc gia;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục II như sau:

“2. Tại Giải vô địch Đấu kiếm các Câu lạc bộ quốc gia;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục III như sau:

“2. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư đồng đội hoặc nội dung hỗn hợp tại Giải vô địch Đấu kiếm các Câu lạc bộ quốc gia;”.

15. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 22. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Điền kinh** như sau:

a) Sửa đổi bổ sung mục II như sau:

“II. Tại các giải ngoài đường: giải vô địch quốc gia, giải vô địch trẻ quốc gia”.

b) Sửa đổi bổ sung mục III như sau:

“III. Tại các giải ngoài đường: giải vô địch quốc gia, giải vô địch trẻ quốc gia”.

16. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 23. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Golf** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 mục I như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Giải vô địch Golf thế giới, Giải vô địch Golf Châu Á Thái Bình Dương, Giải vô địch Golf Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Golf Đông Nam Á;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2, 3 mục II như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch Golf thế giới, Giải vô địch Golf Châu Á Thái Bình Dương, Giải vô địch Golf Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Golf Đông Nam Á;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia;

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm tại Giải vô địch trẻ Golf quốc gia.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 mục III như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Golf quốc gia;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Mười tại Giải vô địch trẻ Golf quốc gia;”.

d) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 mục III như sau:

“3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Mười tại một trong các giải: Giải vô địch Golf thế giới, Giải vô địch Golf Châu Á Thái Bình Dương, Giải vô địch Golf Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Golf Đông Nam Á.”.

17. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 25. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Jujitsu** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục II như sau:

“4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch trẻ Jujitsu quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 20 tuổi.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục III như sau:

“3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Jujitsu quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 20 tuổi.”.

18. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 26. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Karate** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 mục III như sau:

“b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười sáu giành cho lứa tuổi từ 18 đến 22 tuổi;”.

19. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 29. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Kurash** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục I như sau:

“3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các câu lạc bộ Kurash quốc gia, Giải vô địch bãi biển quốc gia.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 mục II như sau:

“2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Bảy tại một trong các giải: Giải vô địch Kurash quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc; Giải vô địch bãi biển thế giới, Giải vô địch bãi biển Châu Á, Giải vô địch bãi biển Đông Nam Á;

3. Xếp hạng Ba tại Giải vô địch các câu lạc bộ Kurash quốc gia, Giải vô địch bãi biển quốc gia;”.

20. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 30. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Lặn** như sau:

Kiểu Lặn/ Cự ly	Vận động viên nam			Vận động viên nữ		
	“Vận động viên kiện tướng”	“Vận động viên cấp 1”	“Vận động viên cấp 2”	“Vận động viên kiện tướng”	“Vận động viên cấp 1”	“Vận động viên cấp 2”
50 m vùi hơi chân vịt	17.60	22.30	24.40	20.10	23.30	25.30
100 m vùi hơi chân vịt	39.60	47.50	52.50	44.50	51.50	55.00
200 m vùi hơi chân vịt	1:34.00	1:46.00	1:57.00	1:42.00	1:54.00	2:01.00
400 m vùi hơi chân vịt	3:24.00	3:53.00	4:16.00	3:38.00	4:07.00	4:26.00
800 m vùi hơi chân vịt	7:16.00	8:06.00	8:27.00	7:49.00	8:26.00	8:46.00
1500 m vùi hơi chân vịt	14:30.00	16:18.00	17:00.00	15:20.00	16:55.00	17:25.00
100 m khí tài	39.50	46.50	54.00	42.00	51.00	59.00
200m khí tài	1:25.00	1:45.50	1:55.00	1:33.00	2:05.40	2:35.30
400 m khí tài	3:20.00	3:53.00	4:26.00	3:40.00	4:18.00	4:33.00
800 m khí tài	7:10.00	8:11.00	8:41.00	7:50.00	8:34.00	8:56.00
50 m nín thở	16.30	19.80	22.50	18.50	21.80	24.50

50 m chân vịt đôi	21.40	24.80	27.40	24.20	27.80	29.50
100 m chân vịt đôi	47.50	51.50	58.40	53.50	58.50	1:03.50
200 m chân vịt đôi	1:47.50	1:57.00	2:06.00	1:56.00	2:07.00	2:12.00
400 m chân vịt đôi	3:50.00	4:20.00	4:32.00	4:20.00	4:40.00	4:58.00

21. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 32. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Muay** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục II như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Muay Đông Nam Á hoặc Giải vô địch các câu lạc bộ Muay quốc gia;”.

22. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 33. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Pencak Silat** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục II như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Pencak Silat Đông Nam Á hoặc Giải vô địch các câu lạc bộ Pencak Silat quốc gia;”.

23. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 34. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Quần vợt** như sau:

a) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 3 mục I như sau:

“c) Giải vô địch đồng đội quốc gia:

- Xếp hạng Nhất: được phong 03 vận động viên;

- Xếp hạng Nhì: được phong 02 vận động viên;

- Xếp hạng Ba: được phong 01 vận động viên.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 mục II như sau:

“c) Tại Giải Quần vợt vô địch trẻ quốc gia”.

24. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 35. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Rowing** như sau:

a) Bổ sung điểm đ, e vào sau điểm d khoản 2 mục I như sau:

“đ) Xếp từ hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;

e) Xếp hạng Nhất nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.”.

b) Bổ sung điểm e, f, g vào sau điểm đ khoản 1 mục II như sau:

“e) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;

f) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp;;

g) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung máy hỗn hợp.”.

c) Bổ sung điểm c, d vào sau điểm b khoản 2 mục II như sau:

“c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;

- d) Xếp hạng Nhất nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.”.
 - d) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 mục II như sau:
 “2. Tại giải vô địch U23 Rowing quốc gia:
 - a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm nội dung thuyền đơn;
 - b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic;
 - c) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic;
 - d) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.”.
 - đ) Bổ sung điểm e, f, g vào sau điểm đ khoản 1 mục III như sau:
 “e) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp;
 - f) Xếp hạng Ba nội dung thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp;
 - g) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung máy hỗn hợp.”.
 - e) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 mục III như sau:
 “c) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.”.
 - f) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 mục II như sau:
 “3. Tại giải vô địch U23 Rowing quốc gia:
 - a) Xếp hạng Sáu hoặc hạng Bảy nội dung thuyền đơn;
 - b) Xếp hạng Tư hoặc hạng Năm nội dung thuyền đôi, thuyền bốn thuộc nhóm Olympic;
 - c) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi, thuyền bốn không thuộc nhóm Olympic;
 - d) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám, thuyền tám hỗn hợp.”.
25. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 36. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Sailing** như sau:
- a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục I như sau:
 “2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia:
 - a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đơn, thuyền đôi;
 - b) Xếp hạng Nhất nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.”.
 - b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 mục II như sau:
 “1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia:
 - a) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đơn, thuyền đôi;
 - b) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.”
 - 2. Tại Giải vô địch Sailing trẻ quốc gia:
 - a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đơn, thuyền đôi;

b) Xếp hạng Nhất nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 mục III như sau:

“1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Sailing quốc gia:

a) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đơn, thuyền đôi;

b) Xếp hạng Ba nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.

2. Tại Giải vô địch Sailing trẻ quốc gia:

a) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đơn, thuyền đôi;

b) Xếp hạng Nhì nội dung thuyền bốn, thuyền tám, thuyền tập thể.”.

26. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 45. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Trượt băng** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung mục I như sau:

“I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia thi đấu tại Đại hội thể thao mùa đông thế giới;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Mười Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch Trượt băng thế giới; Đại hội thể thao mùa đông Châu Á; Giải vô địch Trượt băng Châu Á;

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch Trượt băng Đông Nam Á.

4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; giải vô địch Trượt băng quốc gia.”.

b) Sửa đổi, bổ sung mục II như sau:

“II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười Bảy đến hạng Hai Tư tại một trong các giải: Giải vô địch Trượt băng thế giới; Đại hội thể thao mùa đông Châu Á; Giải vô địch Trượt băng Châu Á;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải vô địch Trượt băng Đông Nam Á.

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Mười Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Trượt băng thế giới; Giải vô địch trẻ Trượt băng Châu Á;

4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Trượt băng Đông Nam Á;

5. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; giải vô địch Trượt băng quốc gia.

6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch Trượt băng trẻ quốc gia.”.

c) Sửa đổi, bổ sung mục III như sau:

“III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười Bảy đến hạng Hai Tư tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Trượt băng thế giới; Giải vô địch trẻ Trượt băng Châu Á;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải vô địch trẻ Trượt băng Đông Nam Á;

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Chín tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Trượt băng quốc gia.

4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại Giải vô địch Trượt băng trẻ quốc gia.”.

27. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 46. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vật** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục II như sau:

“4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì giải vô địch trẻ Vật quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi hoặc lứa tuổi từ 18 đến 23 tuổi.”.

b) Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 mục II như sau:

“5. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì giải vô địch các câu lạc bộ Vật quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục II như sau:

“3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư giải vô địch trẻ Vật quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi hoặc lứa tuổi từ 18 đến 23 tuổi.”.

d) Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 mục II như sau:

“5. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư giải vô địch các câu lạc bộ Vật quốc gia giành cho lứa tuổi từ 16 đến 17 tuổi.”.

28. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 47. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vật dân tộc** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục I như sau:

“2. Xếp hạng Nhất tại Giải vô địch các câu lạc bộ Vật dân tộc Anh tài quốc gia.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục II như sau:

“2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhì đến hạng Tư tại Giải vô địch các câu lạc bộ Vật dân tộc Anh tài quốc gia.”.

29. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 48. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vovinam** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục I như sau:

“3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các câu lạc bộ Vovinam quốc gia.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục II như sau:

“3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch các câu lạc bộ Vovinam quốc gia.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục III như sau:

“4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười sáu tại một trong các giải vô địch các câu lạc bộ Vovinam quốc gia, Giải vô địch Vovinam quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc.”.

30. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 50. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Xe đạp thể thao** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục I như sau:

“3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư một trong các nội dung: xuất phát đồng hành, tính giờ cá nhân, băng đồng tính giờ, băng đồng Olympic, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I như sau:

“4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đổ đèo, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút chung cuộc, các nội dung cá nhân tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 mục I như sau:

“5. Xếp hạng Nhất một trong các nội dung: đồng đội, bảng xếp hạng điểm thưởng leo núi chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục II như sau:

“1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Mười hai một trong các nội dung: xuất phát đồng hành, tính giờ cá nhân, băng đồng tính giờ, băng đồng Olympic, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục II như sau:

“2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Mười một một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đổ đèo, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút chung cuộc, các nội dung cá nhân khác tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục II như sau:

“4. Xếp trong các hạng từ hạng Nhất đến hạng Năm trong bảng xếp hạng vận động viên trẻ xuất sắc tại các giải xe đạp đường trường trong hệ thống thi đấu quốc gia hoặc một trong các nội dung thi đấu: cá nhân, bảng xếp hạng thời gian chung cuộc, bảng xếp hạng điểm thưởng nước rút giành cho lứa tuổi từ 17 đến 18 tuổi tại Giải vô địch trẻ Xe đạp thể thao quốc gia;”.

f) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 mục II như sau:

“6. Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nội dung đồng đội tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia;”.

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 mục III như sau:

“1. Hoàn thành cự ly thi đấu theo quy định nội dung xuất phát đồng hành tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;”.

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục III như sau:

“3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười một đến hạng Hai mươi một trong các nội dung: tính điểm, 500 m tốc độ, đồ đèo, nội dung khác tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Xe đạp thể thao quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;”.

31. Sửa đổi, bổ sung **Tiêu chuẩn số 51. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Wushu** như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục I như sau:

“3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các câu lạc bộ Wushu quốc gia.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục II như sau:

“2. Xếp hạng Ba tại Giải vô địch các câu lạc bộ Wushu quốc gia;”.

Điều 3. Bãi bỏ một số cụm từ, nội dung tại tiêu chuẩn chuyên môn của một số môn thể thao tại phụ lục ban hành kèm Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao như sau:

1. Bãi bỏ cụm từ “hoặc Giải vô địch Billiard & Snooker cúp quốc gia vòng chung kết” tại khoản 3 mục I; khoản 2 mục II; khoản 2 mục III **Tiêu chuẩn số 03. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Billiard & Snooker.**

2. Bãi bỏ khoản 6 mục I; khoản 6 mục II; khoản 3 mục III **Tiêu chuẩn số 06. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng bàn.**

3. Bãi bỏ điểm c khoản 3 mục I; điểm c, điểm đ khoản 2 mục II **Tiêu chuẩn số 07. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng chuyền.**

4. Bãi bỏ khoản 4 mục I; khoản 4 mục II **Tiêu chuẩn số 10. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bóng rổ.**

5. Bãi bỏ khoản 2 mục III **Tiêu chuẩn số 12. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Bowling.**

6. Bãi bỏ cụm từ “hoặc Giải vô địch đội tuyển Cầu mây trẻ xuất sắc” tại khoản 2 mục II, III **Tiêu chuẩn số 15. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cầu mây.**

7. Bãi bỏ khoản 5 mục II; khoản 5 mục III **Tiêu chuẩn số 18. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Cờ vua.**

8. Bãi bỏ cụm từ “Giải các đội mạnh Đá cầu quốc gia hoặc” tại khoản 3 mục I; khoản 2 mục II **Tiêu chuẩn số 20. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đá cầu.**

9. Bãi bỏ nội dung số thứ tự 3, 4, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 14 mục II; nội dung số thứ tự 1, 2, 3, 4 mục III **Tiêu chuẩn số 22. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Điền kinh.**

10. Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Judo quốc gia” tại khoản 2 mục I; khoản 2 mục II; khoản 4 mục III **Tiêu chuẩn số 24. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Judo.**

11. Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Jujitsu quốc gia” tại khoản 2 mục I; khoản 2 mục II; khoản 4 mục III **Tiêu chuẩn số 25. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Jujitsu.**

12. Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ thế giới” tại khoản 2 mục I; bãi bỏ từ “mạnh” tại khoản 3 mục I; khoản 3 mục II; khoản 2 mục III **Tiêu chuẩn số 26. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Karate.**

13. Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ thế giới” tại khoản 2 mục I; khoản 3 mục I; khoản 2 mục II; khoản 3 mục II **Tiêu chuẩn số 28. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Khiêu vũ thể thao.**

14. Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Kurash quốc gia” tại khoản 2 mục I; khoản 2 mục II; khoản 4 mục III **Tiêu chuẩn số 29. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Kurash.**

15. Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Sambo giành cho lứa tuổi trên 17” tại khoản 2 mục I **Tiêu chuẩn số 37. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Sambo.**

16. Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên xuất sắc Taekwondo giành cho lứa tuổi dưới 17” tại khoản 2 mục I; khoản 1, khoản 2 mục II; khoản 2, khoản 4 mục III **Tiêu chuẩn số 38. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Taekwondo.**

17. Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới” tại khoản 1 mục I; Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới” tại khoản 1 mục II; Bãi bỏ khoản 5 mục I; khoản 6 mục II; khoản 1 mục III; điểm e, f, g khoản 3 mục III; điểm e, f, g khoản 4 mục III **Tiêu chuẩn số 40. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục Aerobic.**

18. Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới” tại khoản 1 mục I; Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ em Châu Á” tại khoản 2 mục I, khoản 2 mục II; Bãi bỏ khoản 3 mục I; khoản 3 mục II **Tiêu chuẩn số 40. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục dụng cụ.**

19. Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới” tại khoản 1 mục I; Bãi bỏ cụm từ “Đại hội thể thao trẻ em Châu Á” tại khoản 2 mục I, khoản 2 mục II; Bãi bỏ khoản 3 mục I; khoản 3 mục II **Tiêu chuẩn số 41. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục nghệ thuật.**

20. Bãi bỏ cụm từ “Giải quốc tế mở rộng trong hệ thống chính thức của Liên đoàn Thể dục thể giới” tại khoản 1 mục I; Bãi bỏ khoản 3 mục I; khoản 3 mục II **Tiêu**

chuẩn số 42. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thể dục nhào lộn trên lưới.

21. Bãi bỏ cụm từ “Giải vận động viên Vật xuất sắc giành cho lứa tuổi trên 17” tại khoản 2 mục I **Tiêu chuẩn số 46. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Vật.**

22. Bãi bỏ cụm từ “Giải vô địch cúp Võ cổ truyền” tại khoản 1 mục I; cụm từ “Giải các vận động viên xuất sắc Võ cổ truyền quốc gia” tại khoản 1 mục I, khoản 3 mục II; bãi bỏ khoản 2 mục I, khoản 4 mục II **Tiêu chuẩn số 49. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Võ cổ truyền.**

23. Bãi bỏ cụm từ “Giải trong hệ thống thi đấu quốc gia” tại khoản 3 mục I; cụm từ “ hoặc Giải giành cho vận động viên trẻ trong hệ thống thi đấu quốc gia” tại khoản 4 mục III **Tiêu chuẩn số 50. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Xe đạp thể thao.**

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao;
- Các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ; CSDL quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Lưu: VT, CTDTTVN. V.300.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục

**BỔ SUNG TIÊU CHUẨN CHUYÊN MÔN PHONG ĐẲNG CẤP VẬN ĐỘNG VIÊN
THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO TỪNG MÔN THỂ THAO**

*(Kèm theo Thông tư số: /2025/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Tiêu chuẩn số 53	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đẩy gậy
Tiêu chuẩn số 54	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Kéo co
Tiêu chuẩn số 55	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn MMA
Tiêu chuẩn số 56	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Roller
Tiêu chuẩn số 57	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Rowing biển
Tiêu chuẩn số 58	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Pickleball
Tiêu chuẩn số 59	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thuyền truyền thống
Tiêu chuẩn số 60	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Triathlon
Tiêu chuẩn số 61	Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Ván chèo đứng

Tiêu chuẩn số 53. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Đẩy gậy

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại một trong các giải: Đại hội Thể thao toàn quốc, Giải vô địch Đẩy gậy quốc gia;
2. Xếp hạng Nhất tại Giải vô địch các câu lạc bộ Đẩy gậy quốc gia.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội Thể thao toàn quốc, Giải vô địch Đẩy gậy quốc gia;
2. Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba tại Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;
3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch trẻ Đẩy gậy quốc gia.

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp hạng Ba tại Giải vô địch trẻ Đẩy gậy quốc gia.

Tiêu chuẩn số 54. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Kéo co

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm tại Giải vô địch thế giới;
2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch Châu Á;
3. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch Đông Nam Á;
4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại một trong các giải: Đại hội Thể thao toàn quốc, Giải vô địch quốc gia (nội dung thi đấu 8 người);
5. Xếp hạng Nhất tại giải vô địch các câu lạc bộ Kéo co quốc gia (nội dung thi đấu 8 người)

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Tám tại Giải vô địch thế giới;
2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bốn đến hạng Sáu tại Giải vô địch Châu Á;
3. Xếp hạng Ba hoặc hạng Bốn tại Giải vô địch Đông Nam Á;
4. Xếp hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội Thể thao toàn quốc, Giải vô địch quốc gia (nội dung thi đấu 8 người);
5. Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba tại Giải vô địch các câu lạc bộ Kéo co quốc gia (nội dung thi đấu 8 người);
6. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch trẻ quốc gia (nội dung thi đấu 8 người).

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp hạng Ba tại Giải vô địch trẻ quốc gia (nội dung thi đấu 8 người).

Tiêu chuẩn số 55. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn MMA

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tám tại một trong các giải: Giải vô địch MMA thế giới, Giải vô địch MMA Châu Á;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại một trong các giải: Giải vô địch MMA Đông Nam Á, Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật Châu Á, Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Đại hội thể thao bãi biển Châu Á, Giải Cúp Thế giới, Giải Cúp Châu Á, Cúp bãi biển thế giới và Châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc. Giải MMA Master, Giải MMA Grand Slam, Giải MMA Grand Prix (trong hệ thống tính điểm);

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch MMA quốc gia;

4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch các câu lạc bộ MMA quốc gia.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp Chín hoặc hạng Mười tại giải vô địch thế giới, vô địch Châu Á;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại một trong các giải: Giải vô địch MMA Đông Nam Á, Đại hội thể thao trong nhà và Võ thuật Châu Á, Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Đại hội thể thao bãi biển Châu Á, Giải Cúp Thế giới, Giải Cúp Châu Á, Cúp bãi biển thế giới và Châu Á, Đại hội thể thao toàn quốc. Giải MMA Master, Giải MMA Grand Slam, Giải MMA Grand Prix (trong hệ thống tính điểm);

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ MMA Đông Nam Á, Xếp hạng nhất đến hạng sáu tại giải vô địch trẻ Châu Á và thế giới;

4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại một trong các giải: Giải Cúp Thế giới, Đại hội thể thao toàn quốc;

5. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch các câu lạc bộ MMA quốc gia;

6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Bảy tại Giải vô địch MMA quốc gia;

7. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch trẻ MMA quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 18 tuổi.

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Sáu dành cho lứa tuổi từ 13 đến 15 tuổi tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Châu Á, Giải vô địch trẻ thế giới;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư dành cho lứa tuổi từ 13 đến 15 tuổi tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ MMA quốc gia; Giải vô địch trẻ MMA Đông Nam Á;
3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải vô địch các câu lạc bộ MMA quốc gia; hạng Tám đến hạng Mười tại Đại hội thể thao toàn quốc, giải vô địch MMA quốc gia;
4. Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư tại Giải vô địch trẻ MMA quốc gia dành cho lứa tuổi từ 16 đến 18 tuổi;
5. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Giải vô địch trẻ MMA quốc gia dành cho lứa tuổi từ 13 đến 15 tuổi;
6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Chín đến hạng Mười Một tại một trong các giải: Giải vô địch MMA quốc gia, Đại hội thể thao toàn quốc.

Tiêu chuẩn số 56. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Roller (Trượt ván, Patin)

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Mười Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch Roller thế giới; Giải vô địch Roller Châu Á;
2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch Roller Đông Nam Á.
3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; giải vô địch Roller quốc gia.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười Bảy đến hạng Hai Tư tại một trong các giải: Giải vô địch Roller thế giới; Giải vô địch Roller Châu Á;
2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải vô địch Roller Đông Nam Á.
3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Mười Sáu tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Roller thế giới; Giải vô địch trẻ Roller Châu Á;
4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Tư tại Giải vô địch trẻ Roller Đông Nam Á;
5. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc; giải vô địch Roller quốc gia.
6. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại Giải vô địch Roller trẻ quốc gia.

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười Bảy đến hạng Hai Tư tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Roller thế giới; Giải vô địch trẻ Roller Châu Á;
2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Năm đến hạng Tám tại Giải vô địch trẻ Roller Đông Nam Á;
3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Chín tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Roller quốc gia.
4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Tư đến hạng Sáu tại Giải vô địch Roller trẻ quốc gia.

Tiêu chuẩn số 57. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Rowing biển

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Đại hội thể thao bãi biển thế giới, Đại hội thể thao bãi biển Châu Á, Đại hội thể thao bãi biển Đông Nam Á, Giải vô địch Rowing biển thế giới, Giải vô địch trẻ Rowing biển thế giới, Giải cup Rowing biển thế giới, Giải vô địch Rowing biển Châu Á, Giải vô địch trẻ Rowing biển Châu Á, Giải cup Rowing biển Châu Á, giải vô địch Rowing biển Đông Nam Á, giải vô địch trẻ Rowing biển Đông Nam Á.

2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing biển quốc gia:

- a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba nội dung thuyền đơn;
- b) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đôi, thuyền bốn, thuyền tám, thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám hỗn hợp.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing biển quốc gia:

- a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Bốn đến hạng Sáu nội dung thuyền đơn;
- b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Năm nội dung thuyền đôi, thuyền bốn, thuyền tám, thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám hỗn hợp.

2. Tại Giải vô địch Rowing biển trẻ và vô địch U23 quốc gia:

- a) Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì nội dung thuyền đơn;
- b) Xếp hạng Ba hoặc hạng Tư nội dung thuyền đôi, thuyền bốn, thuyền tám, thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám hỗn hợp.

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Rowing biển quốc gia:

- a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Bảy đến hạng Chín nội dung thuyền đơn;
- b) Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Tám nội dung thuyền đôi, thuyền bốn, thuyền tám, thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám hỗn hợp.

2. Tại Giải vô địch Rowing biển trẻ và vô địch U23 quốc gia:

- a) Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Năm nội dung thuyền đơn;
- b) Xếp hạng Năm hoặc hạng Sáu nội dung thuyền đôi, thuyền bốn, thuyền tám, thuyền đôi hỗn hợp, thuyền bốn hỗn hợp, thuyền tám hỗn hợp.

Tiêu chuẩn số 58. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Pickeball

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Giải Vô địch thế giới, châu lục và khu vực:
 - 1.2. Đạt hạng Nhất, Nhì, Ba nhóm tuổi từ 35 trở xuống.
 - 1.2. Nội dung đồng đội: đội Nhất, Nhì, Ba được phong 06 vận động viên.
2. Đại hội Thể thao quốc gia:
 - 2.1. Đạt hạng Nhất, Nhì, Ba các nội dung Đơn, Đôi.
 - 2.2. Nội dung đồng đội: đội Nhất, Nhì, Ba được phong 04 vận động viên.
3. Giải Vô địch quốc gia:
 - 3.1. Đạt hạng Nhất, Nhì các nội dung Đơn, Đôi nhóm tuổi 35 trở xuống.
 - 3.2. Nội dung đồng đội: đạt hạng Nhất, Nhì được phong 04 vận động viên nhóm tuổi từ 35 trở xuống.
4. Giải Vô địch các Câu lạc bộ quốc gia (hạng nâng cao): đạt hạng Nhất, Nhì các nội dung Đơn, Đôi nhóm tuổi từ 35 trở xuống.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Đại hội Thể thao toàn quốc:
 - 1.1. Đạt hạng Tư các nội dung Đơn, Đôi.
 - 1.2. Nội dung đồng đội: đạt hạng Tư được phong 04 vận động viên.
2. Giải Vô địch quốc gia:
 - 2.1. Đạt hạng Ba các nội dung Đơn, Đôi nhóm tuổi 35 trở xuống.
 - 2.2. Nội dung đồng đội: đạt hạng Ba được phong 04 vận động viên nhóm tuổi từ 35 trở xuống.
3. Giải Vô địch các Câu lạc bộ quốc gia (hạng nâng cao): đạt hạng Ba các nội dung Đơn, Đôi nhóm tuổi từ 35 trở xuống.
4. Giải vô địch trẻ quốc gia: đạt hạng Nhất, Nhì nội dung Đơn, Đôi nhóm tuổi từ 16 trở lên.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Đại hội Thể thao toàn quốc:
 - 1.1. Đạt hạng Năm đến hạng Tám các nội dung Đơn, Đôi.
 - 1.2. Nội dung đồng đội: đội hạng Năm đến hạng Tám được phong 04 vận động viên.

2. Giải Vô địch quốc gia:

2.1. Đạt hạng Bốn đến hạng Tám các nội dung Đơn, Đôi.

2.2. Nội dung đồng đội: đạt hạng Năm đến hạng Sáu được phong 04 vận động viên nhóm tuổi từ 35 trở xuống.

3. Giải Vô địch trẻ quốc gia (chỉ tính lứa tuổi từ 16 trở lên):

3.1. Đạt hạng Ba nội dung Đơn, Đôi.

3.2. Nội dung đồng đội: đội hạng Ba được phong 04 vận động viên.

Ghi chú: Ở nội dung đồng đội chỉ xét các vận động viên tham gia thi đấu chính thức, vận động viên dự bị thì phải tham gia thi đấu 2/3 tổng số trận đấu của nội dung đó.

Tiêu chuẩn số 59. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Thuyền truyền thống

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Kien tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Đại hội thể thao Châu Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á, Giải vô địch Thuyền truyền thống thế giới, Giải cup Thuyền truyền thống thế giới, Giải vô địch Thuyền truyền thống Châu Á, Giải cup Thuyền truyền thống Châu Á, giải vô địch Thuyền truyền thống Đông Nam Á.

2. Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Thuyền truyền thống quốc gia:

- Xếp hạng Nhất nội dung thuyền 10 và thuyền 20.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Thuyền truyền thống quốc gia:

- Xếp hạng Nhì hoặc hạng Ba nội dung thuyền 10 và thuyền 20.

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

Tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch Thuyền truyền thống quốc gia:

- Xếp hạng Tư đến hạng Sáu nội dung thuyền 10 và thuyền 20.

Tiêu chuẩn số 60. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Triathlon

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Hoàn thành cự ly thi đấu theo quy định tại một trong các giải: Giải vô địch thế giới, Giải vô địch U23 thế giới, Giải vô địch trẻ thế giới, Giải vô địch U15 thế giới, Giải cúp thế giới, Giải vô địch Châu Á, Giải vô địch U23 Châu Á, Giải Cup Châu Á, các giải thuộc hệ thống Tour châu lục, Tour thế giới (World Tour), giải World Triathlon Series, T100 Triathlon World Tour và các giải vô địch các nội dung 2 hoặc đa môn Châu Á, thế giới chính thức thuộc hệ thống thi đấu của Liên đoàn Triathlon thế giới (World Triathlon);

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Năm tại một trong các giải: Giải vô địch Đông Nam Á, Giải Cup Đông Nam Á, Giải vô địch các nội dung 2 hoặc đa môn thuộc môn Triathlon Đông Nam Á;

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhất đến hạng Ba tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch quốc gia,

4. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì Giải vô địch các Câu lạc bộ quốc gia;

5. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì các nội dung tiếp sức hoặc đồng đội tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch quốc gia,

6. Xếp hạng Nhất các nội dung tiếp sức hoặc đồng đội tại Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Hoàn thành cự ly thi đấu theo quy định tại một trong các giải vô địch trẻ, vô địch U15 Châu Á

2. Xếp từ hạng Tư đến hạng Mười tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch quốc gia,

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Mười tại một trong các giải: Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia, giải vô địch các nội dung 2 hoặc đa môn thuộc môn Triathlon quốc gia;

4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Nhì đến hạng Năm trong bảng xếp hạng vận động viên trẻ xuất sắc tại một trong các giải: Giải vô địch trẻ Triathlon quốc gia, Giải vô địch các Câu lạc bộ quốc gia;

5. Xếp một trong các hạng, từ hạng Ba đến hạng Năm nội dung tiếp sức hoặc nội dung đồng đội tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Triathlon quốc gia,

6. Xếp hạng Nhì đến hạng Năm các nội dung tiếp sức hoặc đồng đội tại Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia.

7. Xếp một trong các hạng, từ hạng Hai đến hạng Năm tại một trong các giải: Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia, Giải vô địch các nội dung 2 hoặc đa môn thuộc môn Triathlon quốc gia trong hệ thống thi đấu quốc gia;

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Hoàn thành cự ly thi đấu theo quy định tại một trong các giải: Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch Triathlon quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;

2. Xếp một trong các hạng, từ hạng Mười đến hạng Hai mươi tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch quốc gia, Giải vô địch các câu lạc bộ quốc gia;

3. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng Mười lăm bảng xếp hạng thời gian chung cuộc tại Giải vô địch trẻ Triathlon quốc gia.

4. Xếp một trong các hạng, từ hạng Sáu đến hạng mười nội dung tiếp sức hoặc nội dung đồng đội tại Đại hội thể thao toàn quốc, Giải vô địch quốc gia;

IV. Vận động viên thi đấu nội dung tiếp sức hoặc đồng đội đạt tiêu chuẩn được phong đẳng cấp khi tham gia thi đấu trực tiếp.

Tiêu chuẩn số 61. Tiêu chuẩn chuyên môn phong đẳng cấp vận động viên thể thao thành tích cao môn Ván chèo đứng

I. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Kiện tướng” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

Tham gia thi đấu tại một trong các giải: Giải vô địch Ván chèo đứng thế giới, Giải vô địch trẻ Ván chèo đứng thế giới, Giải Cup Ván chèo đứng thế giới, Đại hội thể thao Châu Á, Đại hội thể thao Đông Nam Á, Giải vô địch Ván chèo đứng Châu Á, Giải vô địch trẻ Ván chèo đứng Châu Á, Giải Cup Ván chèo đứng Châu Á, Giải vô địch Ván chèo đứng Đông Nam Á, Giải vô địch trẻ Ván chèo đứng Đông Nam Á.

II. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Cấp 1” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp hạng Nhất hoặc hạng Nhì tại Đại hội thể thao toàn quốc hoặc giải vô địch Ván chèo đứng quốc gia.

2. Xếp hạng Nhất tại giải vô địch trẻ Ván chèo đứng quốc gia.

III. Vận động viên được xét phong đẳng cấp “Vận động viên Cấp 2” khi đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

1. Xếp hạng Nhì đến hạng Ba tại giải vô địch trẻ Ván chèo đứng quốc gia.